

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/DS-ST

Ngày: 16-9-2024

V/v Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thạch Thị Sa The**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Việt;

Ông Nguyễn Văn Hành;

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiêu Thanh Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024, về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S; Địa chỉ trụ sở: Số 1A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn L – Nhân viên của Công ty cổ phần S; Nơi cư trú: Số 47, đường Lê Hồng Phong, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh T. (Theo Quyết định ủy quyền số 447/2024/UQ-SVN, ngày 01/02/2024)

- Bị đơn: Anh Ngô M; Sinh năm 1972; Nơi cư trú: Số A, khu 1, ấp P, xã L, huyện T, tỉnh S.

(Anh Nguyễn L vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Ngô M vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/3/2024 (bút lục 01), trong quá trình giải quyết vụ án (bút lục 72 đến 74) và tại phiên tòa, nguyên đơn là Công ty cổ phần S (sau đây gọi tắt là công ty) với người đại diện theo ủy quyền của Công ty là anh Nguyễn L đều trình bày:

Công ty cổ phần S là công ty cổ phần với hoạt động ở nhiều lĩnh vực trong đó có lĩnh vực cầm cố tài sản. Theo đó vào ngày 30/12/2022 anh Ngô M và Công ty có ký kết hợp đồng cầm cố tài sản số TDM 221201017NA21X, để cầm cố tài sản là chiếc xe mô tô hai bánh BKS 83Y1-078.30, loại xe HONDA Wave RSX F1, màu đỏ. Với số khung RLHJA3849MY104701–Số máy JA52E0229739, với giấy chứng nhận đăng ký xe số 002536 do Công an tỉnh T cấp cho anh Ngô M ngày 02/4/2021 với số tiền là 14.300.000 đồng, lãi suất 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Thời hạn cầm cố là 18 tháng (Từ ngày 30/12/2022 – 30/6/2024). Để đảm bảo cho việc cầm cố thì hai bên có đăng ký giao dịch Đảm bảo trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký Quốc gia Giaodichdambao/botuphap, theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn>. Theo thỏa thuận thì Công ty đã giải ngân cho anh M số tiền 14.300.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Do anh M có nhu cầu cần xe đi lại, nên Công ty với anh M có tiến hành ký kết Giấy cho mượn lại tài sản cầm cố. Theo đó hai bên thỏa thuận thời hạn mượn xe từ ngày 30/12/2022- 30/01/2023, địa điểm trả xe tại chi nhánh Trần Đề. Thực tế công ty không có kho bãi để lưu giữ tài sản, cũng như không có các phương án để sử dụng, quản lý, bảo quản tài sản cầm cố của khách hàng. Thay vào đó, thì công ty thỏa thuận với anh M bằng việc cho anh M mượn lại tài sản cầm cố bằng giấy mượn lại xe lập ngày 30/12/2022, thực tế từ khi cầm cố tài sản cho đến nay, công ty không quản lý tài sản cầm cố, cũng không lưu giữ tài sản cầm cố. Đối với vấn đề này thì Công ty không yêu cầu ông M trả lại chiếc xe nêu trên, đồng thời Công ty tự nguyện trả cho anh M giấy chứng nhận đăng ký xe số 002536 do Công an tỉnh T cấp cho anh Ngô M ngày 02/4/2021 khi anh M trả hết nợ cho Công ty đề nghị Tòa án ghi nhận.

Quá trình thực hiện việc trả nợ, anh M chỉ thanh toán cho công ty số tiền vốn gốc là 2.109.000 đồng thì ngưng thanh toán cho đến nay, mặc dù Công ty liên hệ yêu cầu anh M trả nợ nhiều lần nhưng anh M không thực hiện việc trả nợ vay cũng như không trả lại tài sản đã mượn. Công ty cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ngô M trả cho Công ty cổ phần S tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 30/5/2023 24.023.000 đồng (Trong đó bao gồm: vốn 12.191.000 đồng, lãi 1.475.000 đồng, phí 5.390.000 đồng và phí thanh lý trước hạn là 248.000 đồng và phí vi phạm nghĩa vụ

thanh toán 4.719.000 đồng). Ngoài ra anh Ngô M còn phải chịu lãi, phí phát sinh từ hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại Đơn yêu cầu thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 10/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần S trình bày yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Ngô M trả cho Công ty số tiền 14.472.952 đồng (trong đó nợ gốc 12.191.000 đồng và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 22/5/2023 đến ngày 30/6/2024 là 1.779.073 đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày 01/7/2024 đến ngày 16/9/2024 là 502.879 đồng), không yêu cầu về tiền lãi phát sinh từ ngày 17/9/2024 mà yêu cầu trả lại chậm trả khi thi hành án và rút lại yêu cầu về phát mãi tài sản là 01 chiếc xe mô tô hai bánh BKS 83Y1-078.30, loại xe HONDA Wave RSX F1, màu đỏ. Với số khung RLHJA3849MY104701 – Số máy JA52E0229739, yêu cầu về phí 5.390.000 đồng (3,5%/tháng), phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 4.719.000 đồng, phí thanh lý trước hạn là 248.000 đồng; sau khi anh M trả hết số tiền trên cho Công ty thì Công ty sẽ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 002536 do Công an tỉnh T cấp cho anh Ngô M ngày 02/4/2021.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp bao gồm: 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 2901807716-114 (bản sao có chứng thực); 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (bản sao có chứng thực); Giấy ủy quyền số 447/2024/UQ-SVN, ngày 01/02/2024 (bản sao có chứng thực); Căn cước công dân của Nguyễn L (bản sao có chứng thực); 01 (một) Passport của ông Mr.Napat (bản sao có chứng thực); 01 quyết định của chủ sở hữu công ty TNHH Srisawad Việt Nam (bản sao); Hợp đồng cầm cố số TDM 221201017NA21X, ngày 3/12/2022 (bản sao có chứng thực) và phụ lục Hợp đồng (bản sao có chứng thực); 01 (một) Phiếu đăng ký cầm cố xe (bản sao có chứng thực); 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 002536, do Công an tỉnh T cấp (bản sao có chứng thực); Giấy mượn xe ngày 30/12/2022 (bản sao có chứng thực); 01 (một) Giấy ủy quyền ngày 30/12/2022 (bản sao);

- *Đối với bị đơn anh Ngô M:* Dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của Công ty nhưng anh M không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Anh M còn vắng mặt không có lý do trong cả 02 phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho anh M, trong đó có ghi nhận về phạm vi và yêu cầu khởi kiện của Công ty. Phiên tòa ngày 06/9/2024, anh M vẫn

vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ, tiếp tục không phản đối yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật khi đã vắng mặt tại các buổi giải quyết. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay là 14.472.952 đồng (trong đó nợ gốc 12.191.000 đồng và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 22/5/2023 đến ngày 30/6/2024 là 1.779.073 đồng và tiền lãi quá hạn từ ngày 01/7/2024 đến ngày 16/9/2024 là 502.879 đồng). Đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét về quan hệ pháp luật và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nên quan hệ pháp luật của vụ án là Hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Xét về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do “Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự” và bị đơn cư trú tại ấp P, xã L, huyện T, tỉnh S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Xét về sự tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ nên

Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.4] Xét Đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bị đơn M phải trả phí 5.390.000 đồng (3,5%/tháng), phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 4.719.000 đồng, phí thanh lý trước hạn là 248.000 đồng và yêu cầu phát mãi tài sản là 01 chiếc xe mô tô hai bánh BKS 83Y1-078.30, loại xe HONDA Wave RSX F1, màu đỏ, với số khung RLHJA3849MY104701 – Số máy JA52E0229739; sau khi anh M trả hết số tiền trên cho Công ty thì Công ty sẽ trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 002536 do Công an tỉnh T cấp cho anh Ngô M ngày 02/4/2021; đồng thời chỉ yêu cầu anh M thanh toán tiền lãi đến ngày xét xử. Xét thấy, việc thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện như trên của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và việc tự quyết định, định đoạt các nội dung như trên là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, căn cứ Điều 5 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn vay 12.191.000 đồng theo Hợp đồng cầm cố tài sản số TDM 221201017NA21X, ngày 3/12/2022:

Theo lời thừa nhận của phía nguyên đơn thì sau khi hai bên ký kết hợp đồng cầm cố tài sản nêu trên, thì phía nguyên đơn không nhận quản lý tài sản cầm cố, không có kế hoạch, phương án cũng như kho bãi để lưu giữ tài sản cầm cố, mà chỉ giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký của tài sản cầm cố. Từ lời trình bày nêu trên của nguyên đơn, có cơ sở khách quan để Hội đồng xét xử xác định giao dịch cầm cố tài sản nêu trên của các bên đương sự thực chất là giao dịch vay tài sản. Bởi, xét về hình thức và nội dung của hợp đồng thì chứa đựng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các bên khi thực hiện hợp đồng theo quy định tại các điều 117 và 463 của Bộ luật Dân sự, trong đó có thỏa thuận lãi suất trong hạn là 1,1%/tháng, lãi suất quá là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn hoàn trả nợ gốc và nợ lãi;

Xét thấy: Căn cứ vào hợp đồng hai bên đã ký kết và việc không phản đối của bị đơn, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì có cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận giao kết hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn đồng thời bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền 12.191.000 đồng là sự thật.

[2.2] Nguyên đơn Công ty cổ phần S và bị đơn anh Ngô M có giao kết hợp đồng vay tài sản, với lãi suất 1,1%/tháng, lãi suất quá là 150% lãi suất trong hạn để vay số tiền 14.300.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng), các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung Hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật, do đó Hợp đồng trên có giá trị pháp lý. Xét thấy nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay là giao cho bị đơn số tiền 14.300.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng), nhưng bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc 2.109.000 đồng và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên đã vi phạm Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn tiếp tục phải thanh toán số tiền nợ vốn 12.191.000 đồng là phù hợp ý chí giữa hai bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết, đúng quy định pháp luật như đã viện dẫn, có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu về tiền lãi vay phát sinh từ tiền lãi trong hạn với lãi suất 1.1%/tháng tính từ ngày 22/5/2023 đến ngày 30/6/2024 là 13 tháng 08 ngày: $12.191.000 \text{ đồng} \times 1.1\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng } 08 \text{ ngày} = 1.779.073 \text{ đồng}$. Tiền lãi quá hạn với lãi suất 1.65%/tháng từ ngày 01/7/2024 đến ngày 16/9/2024 là 02 tháng 15 ngày: $12.191.000 \text{ đồng} \times 1.65\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 502.879 \text{ đồng}$. Tổng tiền lãi là 2.282.952 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004297, ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh T. Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Căn cứ các 357, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S đối với bị đơn anh Ngô M về việc phát mãi tài sản là 01 chiếc xe mô tô hai bánh BKS 83Y1-078.30, loại xe HONDA Wave RSX F1, màu đỏ, với số khung RLHJA3849MY104701–Số máy JA52E0229739 và yêu cầu về phí 5.390.000 đồng (3,5%/tháng) và phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 4.719.000 đồng, phí thanh lý trước hạn là 248.000 đồng theo Hợp đồng số TDM 221201017NA21X, ngày 3/12/2022 và phụ lục hợp đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S đối với bị đơn anh Ngô M về tranh chấp hợp đồng vay tài sản:

2.1 Buộc anh Ngô M có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S tổng số tiền 14.472.952 đồng (Mười bốn triệu, bốn trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm năm mươi hai đồng).

2.2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty cổ phần S, sau khi anh Ngô M thực hiện xong nghĩa vụ trả số tiền nợ trên thì Công ty cổ phần S có trách nhiệm trả lại cho anh Ngô M bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 002536 do Công an tỉnh T cấp cho anh Ngô M ngày 02/4/2021 đối với xe mô tô hai bánh BKS 83Y1-078.30, loại xe HONDA Wave RSX F1, màu đỏ, với số khung RLHJA3849MY104701– Số máy JA52E0229739, cũng như việc Công ty cổ phần S không yêu cầu anh Ngô M trả lại chiếc xe đã mượn.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ngô M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 723.647 đồng (Bảy trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng). Công ty cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004297, ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh T.

5. Quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh T (P. KTNV &THA);
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu (HSVA & TA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THẠCH THỊ SA THE